

Bản án số: 75/2026/DS-ST

Ngày: 11-02-2026.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Giàu.
2. Ông Nguyễn Nhật Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLST-DS ngày 11/7/2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 450/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M; trụ sở: Tầng B, số H, C, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tầng B, số H, C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Nguyễn Hà Y, sinh năm 2003; địa chỉ: Số A đường số A, Khu đô thị V, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh - là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/2025/POA ngày 10/4/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Linh T, sinh năm: 1988; thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là Thôn L, Xã H, Thành phố Đà Nẵng); nơi cư trú hiện nay: Số C đường B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Số C đường B, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**) Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2023, các bản tự khai, lời khai quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH M1 bày:*

Ngày 26/08/2010, bị đơn ông Nguyễn Linh T và Công ty TNHH Một thành viên T5 (nay đổi tên thành Công ty T6 - sau đây gọi tắt là "SVFC"), có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10248807 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng"), theo đó ông Nguyễn Linh T vay của Công ty TNHH Một thành viên T5 số tiền 25.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết khoản vay như sau: Số tiền cho vay: 25.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Ngày rút vốn: 26/08/2010; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất: 3.04%/tháng; Lãi phạt: Bằng 150% của lãi suất; Số kỳ: 36 kỳ; Phương thức vay: Tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Ngày 09/9/2022, Công ty T6 (SVFC) ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH M (V). Theo thỏa thuận, SVFC đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH M nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10248807 của bị đơn. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty TNHH M có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, bị đơn đã thanh toán số tiền 32.764.600 đồng, trong đó: Nợ gốc là 17.206.500 đồng và tiền lãi là 15.558.100 đồng, đến ngày 05/01/2013 thì ngừng thanh toán nên toàn bộ dư nợ gốc chuyển sang dư nợ quá hạn. Sau khi khoản nợ của bị đơn đã được chuyển nhượng sang Công ty TNHH M, mặc dù Công ty TNHH M đã thông báo đơn đốc, yêu cầu bị đơn trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, nhưng bị đơn không hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Theo đơn khởi kiện ngày 30/05/2023, Công ty TNHH M yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn ông Nguyễn Linh T phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền là 57.376.078 đồng, trong đó: Nợ gốc quá hạn: 7.793.500 đồng; Nợ lãi quá hạn: 896.800 đồng; Lãi phạt chậm thanh toán: 43.362.778 đồng và chi phí khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ: 5.323.000 đồng trong đó: Chi phí giấy tờ: 23.000 đồng; Chi phí sao y, chứng thực tài liệu: 200.000 đồng; Chi phí di chuyển: 800.000 đồng; Chi phí nhân sự: 4.300.000 đồng.

Quá trình tố tụng, Công ty TNHH M thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Công ty TNHH M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về chi phí khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Linh T phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 11/02/2026 là 62.496.219 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 7.793.500 đồng;

- Nợ lãi trong hạn (tính từ ngày 05/01/2013-05/08/2013): 1.895.3794 đồng, sau khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại kỳ thứ 29 bị đơn thanh toán thêm

500.200 đồng nên Công ty TNHH M đã căn trừ số tiền này vào số tiền nợ lãi trong hạn, do đó lãi trong hạn còn phải thanh toán là: 1.395.179 đồng.

- Nợ lãi quá hạn (tính từ 05/09/2013 – 11/02/2026): 53.307.540 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 12/02/2026, ông Nguyễn Linh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10248807 ngày 26/8/2010 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngoài ra nguyên đơn không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**) Bị đơn ông Nguyễn Linh T1 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án do Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) chuyển đến theo thẩm quyền do quá trình tố tụng xác định bị đơn ông Nguyễn Linh T có nơi cư trú tại địa chỉ: Số C đường B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Số C đường B, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH M (V) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Linh T trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10248807 nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Bị đơn ông Nguyễn Linh T có nơi cư trú tại địa chỉ số C đường B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Số C đường B, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Linh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thủ tục mua bán nợ của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Linh T vay của Công ty TNHH Một thành viên T5 (nay đổi tên thành Công ty T6) số tiền 25.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10248807 ngày 26/08/2010.

Ngày 09/9/2022, Công ty T6 ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH M đối với nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10248807 ngày 26/08/2010 của bị đơn. Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 365, Điều 368 Bộ Luật dân sự 2015; Khoản 4 Điều 74 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, xác định thủ tục chuyển quyền cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 10248807 ngày 26/08/2010 đã ký kết giữa bị đơn và Công ty TNHH Một thành viên T5 (nay đổi tên thành Công ty T6) thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 10248807 ngày 26/08/2010 đã ký kết giữa Công ty TNHH Một thành viên T5 và ông Nguyễn Linh T theo phụ lục của hợp đồng bao gồm: Giấy nhận nợ ngày 26/8/2010 (phụ lục 1), Bảng kế hoạch thanh toán (phụ lục 2) được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hình thức, nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 116, 117, 119, 463 của và Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn chỉ mới thanh toán được số tiền 32.764.600 đồng, trong đó: Nợ gốc là 17.206.500 đồng và tiền lãi là 15.558.100 đồng đến ngày 05/01/2013, sau đó không thanh toán nữa. Sau khi khoản nợ của bị đơn đã được chuyển nhượng sang cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn đã thông báo đơn đốc, yêu cầu bị đơn trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, nhưng đến thời điểm hiện nay bị đơn không hợp tác, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Linh T phải thanh toán toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 11/02/2026 là 62.496.219 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 7.793.500 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.395.179 đồng; Nợ lãi quá hạn: 53.307.540 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày 12/02/2026, ông Nguyễn Linh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10248807 ngày 26/8/2010 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 116, 117, 119, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Linh T.

Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Nguyễn Linh T nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/02/2026 là 62.496.219 đồng, trong đó: Nợ gốc: 7.793.500 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.395.179 đồng; Nợ lãi quá hạn: 53.307.540 đồng

Kể từ ngày 12/02/2026, ông Nguyễn Linh T còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10248807 ngày 26/8/2010 và các phụ lục hợp đồng kèm theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Linh T phải chịu số tiền 3.124.811 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH M số tiền 1.434.402 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030242 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 7 – TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Ánh